TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 904/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0814/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông A, sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: đường C, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà B, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: đường B, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01, ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 7 năm 2020, ông A và bà B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà B là người trực tiếp nuôi hai trẻ tên: Đ, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2004 và N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2011. Hàng tháng ông A cấp

dưỡng nuôi hai con số tiền là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Bắt đầu thi hành từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông A và bà B thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông A và bà B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01, ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà B là người trực tiếp nuôi hai trẻ tên: Đ, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2004 và N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2011. Hàng tháng ông A cấp dưỡng nuôi hai con số tiền là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Bắt đầu thi hành từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông A chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà B thỏa thuận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2019/0087727 ngày 11 tháng 6 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự quận B; Bà B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.B;
- UBND P.E, Q. B;
- Chi cục THADS Q. B
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Linh Phượng